TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34** /2026/HNGĐ-ST
Ngày 23/01/2026
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Thuở

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Sẩm
2. Bà Mai Thị Nhặc

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Sương

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 400/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2025/QĐXXST –HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Y, sinh năm 1980. Địa chỉ: 112/2 ấp An K, xã Thạnh H, tỉnh V.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1980. Địa chỉ: 112/2 ấp An K, xã Thạnh H, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn N kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã An Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nay là xã Thạnh Hải, tỉnh Vĩnh Long. Ông bà chung sống có 01 người con tên Nguyễn Yên Nh, sinh ngày 24/02/2004. Nhưng vì bất đồng quan điểm, hôn nhân không đạt mục đích yêu cầu và xét thấy bà không thể chung sống với ông N nên bà yêu cầu ly hôn. Tài sản chung và nợ chung không có, con chung đã trưởng thành bà không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn N đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Phan Thị Y yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn N, ông N có nơi cư trú tại xã Thạnh Hải, tỉnh Vĩnh Long nên quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 -Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Văn N đã đượcTòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Nguyên đơn bà Phan Thị Y vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Y theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Y và ông Nguyễn Văn N đăng ký kết hôn vào năm 2003 theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống bà Y cho rằng bà và ông N thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên bà yêu cầu ly hôn. Xét thấy, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập ông N để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông đều vắng mặt, điều đó chứng tỏ ông không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng đối với bà Y, tình trạng hôn nhân của ông bà thật sự đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y đối với ông N.

[2.2] Về con chung: Bà Phan Thị Y và ông Nguyễn Văn N có 01 con chung tên Nguyễn Yên Nh, sinh ngày 24/02/2004 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được và không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị Y và ông Nguyễn Văn N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng bà Phan Thị Y có nghĩa vụ nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Y, cụ thể tuyên:

1.Về hôn nhân: Bà Phan Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Bà Phan Thị Y và ông Nguyễn Văn N có 01 con chung tên Nguyễn Yên Nh, sinh ngày 24/02/2004 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị Y và ông Nguyễn Văn N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng bà Phan Thị Y có nghĩa vụ nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007998 ngày 31 tháng 10 năm 2025 Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9- Vĩnh Long (bà Y đã nộp đủ án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND KV9-Vĩnh Long (1b);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng THADSKV9-Vĩnh Long (1b);
- UBND xã Thạnh Hải (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ, VP (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở